

Bản án số: 690/2017/DS-PT

Ngày: 02/8/2017

V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Liên**

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Ngọc Thạch

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 176/2017/DS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1208/2017/QĐ-PT ngày 13/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 3769/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1451/2017/QĐ – PT ngày 11/7/2017, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn : Bà Dương Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: 153 D, phường B3, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Sin Thoại Khoa T, sinh năm 1982. Địa chỉ: 351/13 P, Phường M4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 003938 ngày 09/5/2016 Văn phòng Công chứng P) (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà H có Luật sư Sin Thoại K – Văn Phòng Luật sư Thoại K - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1981

Địa chỉ: 3/16 đường C1, phường M3, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2016 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Sin Thoại Khoa T thì:

Ngày 05/10/2010 bà Dương Thị H và bà Trịnh Thị M có thỏa thuận nội dung bà H cho bà M vay số tiền 4.000.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày bà M rút tiền trong tài khoản của bà H theo Giấy ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng V ngày 05/10/2010. Ngày 07/10/2010 bà M có viết giấy tay nội dung tiếp tục vay bà H số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, hạn vay 3 tháng kể từ ngày 07/10/2010. Ngày 01/11/2010 bà M có viết giấy mượn tiền nội dung bà M mượn bà H 500.000.000 đồng.

Ba giấy vay tiền kể trên đều do Bà M trực tiếp lập nội dung và ký tên với tổng số tiền là 6.500.000.000 đồng, Bà H cho Bà M vay với hình thức là đưa tiền trực tiếp bằng tiền mặt và rút trong tài khoản của Bà H theo giấy ủy quyền ngày 05/10/2010.

Hết thời hạn vay, Bà H đã nhiều lần đòi lại số tiền gốc nhưng Bà M mới trả được 5.500.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng đến nay Bà M vẫn không chịu trả. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà M phải trả lại cho Bà H số tiền còn nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trịnh Thị M trình bày:

Bà M xác nhận có vay của Bà H với tổng số tiền 6.500.000.000 đồng theo 03 giấy vay tiền ngày 05/10/2010, 07/10/2010 và 01/11/2010 do bà ký tên và 03 lần Bà M vay của Bà H bà không nhận tiền mặt từ Bà H đưa mà toàn bộ số tiền vay 6.500.000.000 đồng này do Bà H ủy quyền từ tài khoản cho Bà M rút tiền hoặc Bà H chuyển khoản cho Bà M.

Theo Bà M, số tiền 6.500.000.000 đồng mà bà đã ký 3 giấy nợ để vay Bà H trên thực tế là bà đứng trung gian giữa Bà H và ông H nên Bà M có ký giấy vay tiền của Bà H và thực hiện việc chuyển khoản từ khoản của Bà H sang cho ông Trần Trung H, địa chỉ 33/45/8B N, Phường M5, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M là trung gian giữa Bà H và ông H, Bà M được hưởng 1% trên tổng số tiền giao dịch trên một tháng. Bà H nhận 4% lãi suất. Ông H vay tiền để đưa cho ông H1 (địa chỉ 28A L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) kinh doanh. Năm 2014 do Bà M gặp khó khăn về kinh tế, Bà H đã bớt cho Bà M 200.000.000 đồng gốc, còn nợ 800.000.000 đồng. Bà M đã trả cho Bà H 05 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, còn nợ 780.000.000 đồng. Do ông H còn nợ Bà M số tiền 1.100.000.000 đồng từ năm 2011 đến nay không trả nên Bà M không có tiền để trả lại cho Bà H.

Hiện tại Bà M không biết ông H và ông H1 ở đâu, do đó Bà M ký tên vay trong 03 giấy nhận nợ nêu trên thì sẽ chịu trách nhiệm, Bà H yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng làm 01 lần bà không có khả năng chi trả, bà yêu cầu trả dần hàng tháng, khi nào ông H trả bà sẽ hết số tiền cho Bà H.

Tuy nhiên, sau khi Bà M đến ngân hàng xin sao kê lại giao dịch chuyển

khoản giữa Bà H và Bà M cộng với việc đối chiếu lại chứng từ tài khoản, giấy vay tiền thì Bà M xác nhận hiện nay bà đã trả xong 6.500.000.000 đồng cho Bà H, không còn nợ Bà H 1.000.000.000 đồng như khởi kiện của Bà H. Bà M cung cấp chứng cứ là bản sao kê tài khoản của Bà M đã chuyển khoản trả nợ cho Bà H tổng cộng 8.452.800.000 đồng

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/02/2017, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định bị đơn Bà H trực tiếp cho Bà M vay số tiền 6.500.000.000 đồng theo 03 giấy vay tiền ngày 05/10/2010, 07/10/2010 và 01/11/2010 do Bà M ký giấy nợ, đến hiện nay Bà M còn nợ Bà H 1.000.000.000 đồng. Bà H không biết ông H, ông H1 và cũng không nhờ Bà H làm trung gian cho ông H vay tiền như lời khai của Bà M. Việc Bà M cho rằng đã trả 6.500.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ là bản sao kê tài khoản của Bà M đã chuyển khoản trả nợ cho Bà H tổng cộng 8.452.800.000 đồng gồm nợ gốc và lãi, ông T không đồng ý chứng cứ này của Bà M. Phía Bà M ngoài bản sao kê tài khoản xác định ngày 26/01/2011 có chuyển khoản cho Bà H số tiền 8.452.800.000 đồng gồm nợ gốc và lãi tuy nhiên Bà M không xuất trình được chi tiết nợ lãi bao nhiêu.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Bà M xác nhận có ký 3 giấy nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà H vì Bà M xác định đã thanh toán đủ nợ gốc và lãi của 3 giấy nợ bằng khoản tiền chuyển khoản ngày 26/01/2011 là 8.452.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đã thống nhất phương án hòa giải, cụ thể : Bà Trịnh Thị M trả cho Bà Dương Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trả 01 lần chậm nhất vào ngày 10/8/2017 để chấm dứt nghĩa vụ trả tiền theo 03 giấy vay tiền ngày 05/10/2010, 07/10/2010 và 01/11/2010 tổng số nợ là 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Wai diep Viep Kiem sat nhah dah Thanh phogHofChs Minh nhajp xet Chu toawa-Hoj wofig xet xl , w zng sl uwa{thl u hiehp wung cac qui wnh cua Boj luaj Togung dah sl u

Vefnoj dung wefnghxHoj wofig xet xl áp dụng Khoản 1 Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận cụ thể: Bà Trịnh Thị M trả cho Bà Dương Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trả 01 lần chậm nhất vào ngày 10/8/2017 để chấm dứt nghĩa vụ trả tiền theo 03 giấy vay tiền ngày 05/10/2010, 07/10/2010 và 01/11/2010 {tổng số nợ là 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng)}.

Xét nội dung thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào Khoản 1 Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị M phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M không phải chịu hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Bà M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 148, Khoản 1 Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trịnh Thị M có nghĩa vụ trả cho Bà Dương Thị H số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) đồng trả 01 lần chậm nhất vào ngày 10/8/2017 để chấm dứt nghĩa vụ trả tiền theo 03 giấy vay tiền ngày 05/10/2010, 07/10/2010 và 01/11/2010, {tổng số nợ của 03 giấy nợ là 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng)}.

Trường hợp Bà M chậm trả tiền thì Bà M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị M phải chịu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) cho Bà Dương Thị H theo biên lai thu tiền số 0005958 ngày 20/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Thị M không phải chịu, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho Bà M theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006198 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (T20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Liên